TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 66

Tổ :

Mã nhận dạng 04882

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thí nghiệm Hóa ĐC - 66-202304

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên 10	Tô tròn điểm phần lẻ 9
1	14125567	NGUYỄN QUÝ	BÌNH	DH14BQNT			6.0		7.5	7.1	7	1
2	14125568	NGUYỄN HOÀNG	DANH	DH14BQNT			9.0		7.0	7.6	7	6
3	14125571	QUẢNG THỊ KIM	DUNG	DH14BQNT			6.0		8.5	7.8	7	8
4	14125574	ĐỖ THỊ XUÂN	HIỀN	DH14BQNT			6.0		7.0	6.7	6	7
5	14125575	NGUYỄN NGỌC	HUY	DH14BQNT			6.0		10.0	8.8	8	8
6	14125576	PHAN HẬU	HƯNG	DH14BQNT			7.0		6.0	6.3	6	3
7	14125577	DƯƠNG THỊ KIM	LIÊN	DH14BQNT			7.0		5.0	5.6	5	6
8	14125578	TẠ THỊ ANH	MAI	DH14BQNT			5.0		7.0	6.4	6	4
9	14125579	LÊ NHÃ	PHONG	DH14BQNT			7.0		9.0	8.4	8	4
10	14125580	VÕ MINH	THẾ	DH14BQNT			7.0		6.5	6.7	6	7
11	14125581	TRẦN THỊ KIM	THOA	DH14BQNT			7.0		8.0	7.7	7	7
12	14125582	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯƠNG	DH14BQNT			7.0		9.0	8.4	8	4
13	14125583	TRẦN AN	XUÂN	DH14BQNT			5.0		6.0	5.7	5	7
14	14125665	HÀNG QUỲNH	ANH	DH14BQNT			7.0		8.0	7.7	7	7
15	14125668	PHẠM THANH QUỲNH	CHI	DH14BQNT			7.0		9.0	8.4	8	4
16	14125670	MAI THỊ THÙY	DUNG	DH14BQNT			7.0		7.0	7.0	7	0
17	14125673	PHAN HẢI	ĐĂNG	DH14BQNT			6.0		9.0	8.1	8	1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 66 Tổ :

Mã nhận dạng 04882

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thí nghiệm Hóa ĐC - 66-202304 CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	14125675	LÊ THỊ	HẠNH	DH14BQNT			8.0		8.0	8.0		
19	14125676	VÕ THỊ MỸ	HẠNH	DH14BQNT			5.0		7.5	6.8		
20	14125679	PHAN THỊ	HIỀN	DH14BQNT			7.0		8.0	7.7		
21	14125683	TRẦN QUỐC	HÙNG	DH14BQNT			7.0		10.0	9.1		
22	14125687	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LỘC	DH14BQNT			6.0		6.0	6.0		
23	14125690	LÊ THỊ BÍCH	NGA	DH14BQNT			6.0		7.0	6.7		
24	14125691	TRỊNH CÔNG	NHẬT	DH14BQNT			9.0		7.5	8.0		
25	14125692	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	DH14BQNT			7.0		9.0	8.4		
26	14125696	HOÀNG HẢI	PHÚ	DH14BQNT			9.0		9.0	9.0		
27	14125699	LÊ HỒNG	PHƯỚC	DH14BQNT			9.0		8.0	8.3		
28	14125700	PHẠM THỊ QUỲNH	QUYÊN	DH14BQNT								
29	14125703	TAIN THỊ	SỚM	DH14BQNT			7.0		8.0	7.7		
30	14125705	NGUYỄN THỊ	THẢO	DH14BQNT			7.0		7.0	7.0		
31	14125707	NGUYỄN TẤN	THẮNG	DH14BQNT			7.0		8.0	7.7		
32	14125708	VÕ THỊ KIM	THI	DH14BQNT			7.0		5.0	5.6		
33	14125709	NGUYỄN THỊ	THUYỀN	DH14BQNT			6.0		6.0	6.0		
34	14125711	CAO THỊ HUYỀN	TRANG	DH14BQNT			6.0		8.0	7.4		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 66 Tổ :

Mã nhận dạng 04882

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thí nghiệm Hóa ĐC - 66-202304 CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	14125712	NGUYỄN THỊ THANH	TRANG	DH14BQNT	Thanh		6.0		9.0	8.1		
36	14125713	HUỲNH ĐẶNG THANH	TRÂM	DH14BQNT	Tram		7.0		6.0	6.3		
37	14125714	TRẦN NGỌC TÔ	TRÂM	DH14BQNT	Ngọc		6.0		8.0	7.4		
38	14125715	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	DH14BQNT	Trâm		8.0		7.0	7.3		
39	14125716	TRƯƠNG THỊ MỸ	TRÂM	DH14BQNT	Trâm		8.0		6.0	6.6		
40	14125717	VÕ THỊ THANH	TRÂM	DH14BQNT	thanhtram		8.0		8.0	8.0		
41	14125718	HUỲNH MINH	TRỌNG	DH14BQNT	Trọng		8.0		8.0	8.0		
42	14125720	VÕ THỊ BÍCH	VÂN	DH14BQNT	Vân		7.0		7.0	7.0		
43	14125723	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	Ý	DH14BQNT	Như		7.0		8.0	7.7		
44	14125766	LÊ VIỆT	HÀ	DH14BQNT	Việt		7.0		9.0	8.4		
45	14125767	HUỲNH THỊ	HẠNH	DH14BQNT	Hạnh		5.0		8.0	7.1		
46	14125768	LÊ TRẦN MINH	TRÍ	DH14BQNT	Trí		6.0		9.0	8.1		
47	14125770	TRỊNH MINH	THÀNH	DH14BQNT	Thành		7.0		7.0	7.0		

Số lượng vắng: Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2